

BỘ CÂU HỎI ÔN TẬP TỪ BÀI 17 ĐẾN BÀI 24 TIN HỌC 11 SGK KNTT
CHỦ ĐỀ 6. THỰC HÀNH TẠO VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

BÀI 17: QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU TRÊN MÁY TÍNH

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Tại sao lại phải thay đổi thói quen quản lý thủ công, chuyển sang sử dụng máy tính với hệ QTCSDL?

- A. Tiện lợi, kịp thời
- B. Nhanh chóng hơn
- C. Hạn chế sai sót
- D. Khó kiểm soát

Câu 2: MySQL là?

- A. Một hệ quản trị CSDL mã nguồn mở được phát triển bởi Oracle Corporation
- B. Được cộng đồng nguồn mở hỗ trợ và phát triển
- C. Là một trong những hệ quản trị CSDL phổ biến nhất trên thế giới, được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng web, từ các trang web cá nhân, blog, cho đến các công ty công nghệ lớn
- D. Một hệ quản trị CSDL là phần mềm thương mại, sử dụng phải tốn phí

Câu 3: Do đâu mà MySQL là một trong những hệ quản trị CSDL phổ biến nhất trên thế giới, được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng web, từ các trang web cá nhân, blog, cho đến các công ty công nghệ lớn?

- A. Do miễn phí
- B. Do dễ sử dụng
- C. Do tính ổn định và đáng tin cậy
- D. Đòi hỏi nhiều công sức

Câu 4: Đây là đặc điểm của MySQL?

- A. MySQL hỗ trợ khả năng mở rộng lên đến hàng triệu bản ghi và hàng nghìn người dùng
- B. Có giao diện quản lý đồ họa (MySQL Workbench) giúp dễ dàng quản lý và tương tác với CSDL
- C. Cho phép phát triển ứng dụng lớn và có khả năng mở rộng trong tương lai
- D. Khó mở rộng và phát triển ứng dụng lớn trong tương lai

Câu 5: Trước khi có máy tính và giải pháp quản trị CSDL thì việc quản lý dữ liệu thủ công như thế nào?

- A. Khó kiểm soát
- B. Đòi hỏi nhiều công sức
- C. Vất vả với những dữ liệu không được phép sai sót
- D. Tiện lợi

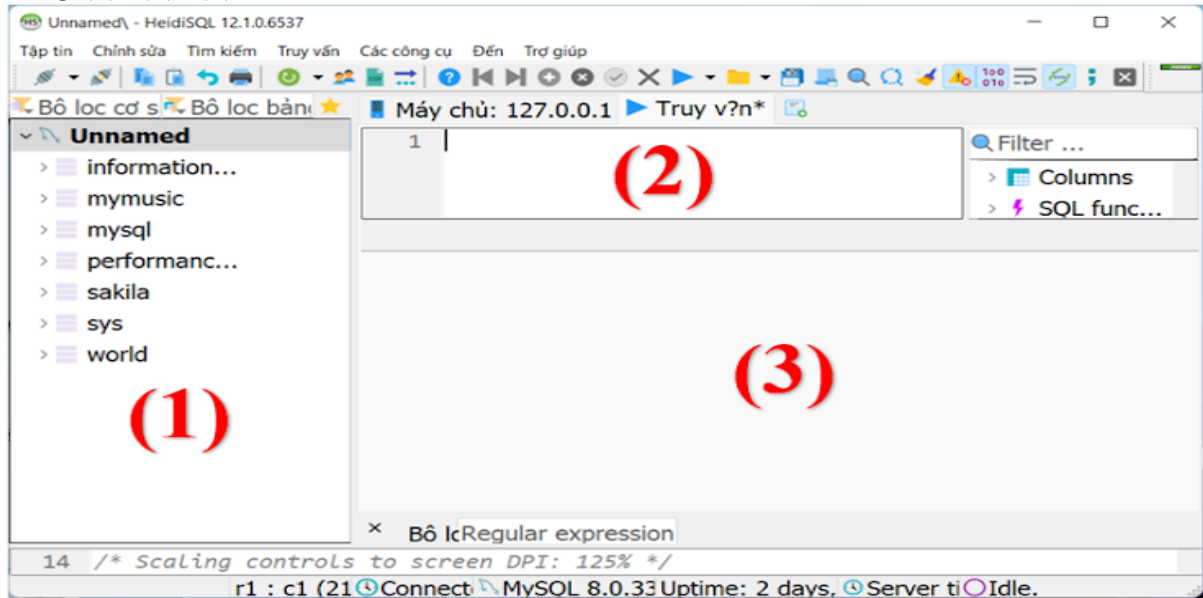
Câu 6: Phần mềm HeidiSQL có những ưu điểm nào sau đây?

- A. Phần mềm mã nguồn mở, miễn phí
- B. Giúp kết nối, làm việc với nhiều hệ QTCSDL
- C. Có hỗ trợ tiếng Việt
- D. Khó kết nối với máy chủ

Câu 7: MySQL có hạn chế nào sau đây?

- A. Dễ sử dụng
- B. Miễn phí
- C. Giao diện dòng lệnh không thuận tiện với người dùng mới
- D. Quản trị CSDL lớn và CSDL trên Internet

Câu 8: Hình bên dưới là cửa sổ làm việc của **HeidiSQL**. Hãy cho biết chức năng của các vùng (1), (2), (3)?



- A. Vùng (1) là vùng làm việc chính, vùng (2) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (3) là vùng danh sách các CSDL đã có.
- B. Vùng (1) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (2) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (3) là vùng làm việc chính.
- C. Vùng (1) là vùng gõ câu truy vấn, vùng (2) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (3) là vùng làm việc chính.
- D. Vùng (1) là vùng danh sách các CSDL đã có, vùng (2) là vùng làm việc chính, vùng (3) là vùng gõ câu truy vấn.
- Câu 9:** Trước đây khi chưa có máy tính, việc quản lý dữ liệu thủ công là công việc
- A. rất tiện lợi.
- B. rất kịp thời.
- C. rất nhanh chóng.
- D. rất vất vả.

Câu 10: Chọn đáp án **SAI**. Việc ứng dụng CSDL trong quản lý đem lại nhiều lợi ích to lớn như:

- A. Tiện lợi. B. Sai sót. C. Kịp thời. D. Nhanh chóng.

II. THÔNG HIỂU

Câu 1: Do đâu mà Quản lý CSDL trên máy tính thường đem lại tính chính xác và độ tin cậy cao hơn so với quản lý thủ công?

- A. CSDL trên máy tính được thiết kế để đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu và hạn chế các sai sót như nhập sai, tính toán sai, hoặc mất mát dữ liệu
- B. Quản lý thủ công có nguy cơ cao về sai sót do con người như ghi nhầm, đọc nhầm, hay không cập nhật đúng thông tin, gây ảnh hưởng đến tính chính xác của dữ liệu
- C. Được trải nghiệm nhiều tính năng khác nhau: nghe, gọi, chơi trò chơi, xem video...
- D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa

Câu 2: Để làm việc được với CSDL thì phải?

- A. Có một hệ QTCSDL
- B. Có một phần mềm giúp giao tiếp với hệ QTCSDL đó

C. Có tính ổn định và đáng tin cậy

D. Dữ liệu trong CSDL có thể được bảo vệ bằng các biện pháp bảo mật như mã hóa

Câu 3: Các hệ QTCSDL phổ biến hiện nay là?

A. ORACLE B. MySQL C. Microsoft SQL Sever D. Python

Câu 4: MySQL có sẵn các phần mềm khách giúp?

A. Người dùng có thể kết nối với SQL

B. Người dùng có thể làm việc với SQL

C. Nhờ việc xác định khóa ngoài

D. Nhờ việc tạo liên kết giữa các bảng

Câu 5: Cần gõ câu truy vấn nào trong cửa sổ lệnh của MySQL để đọc được toàn bộ thông tin bảng nhacsi trong CSDL mymusic?

FROM*

A

SELECT*

B

WHERE nhacsi;

FROM nhacsi;

SELECT*

C

FROM*

D

WHERE nhacsi;

SELECT nhacsi;

Câu 6: Hệ QTCSDL nào sau đây là sản phẩm mã nguồn mở miễn phí?

A. MySQL.

B. DB2.

C. ORACLE.

D. SQL Server.

Câu 7: MySQL và HeidiSQL là các phần mềm

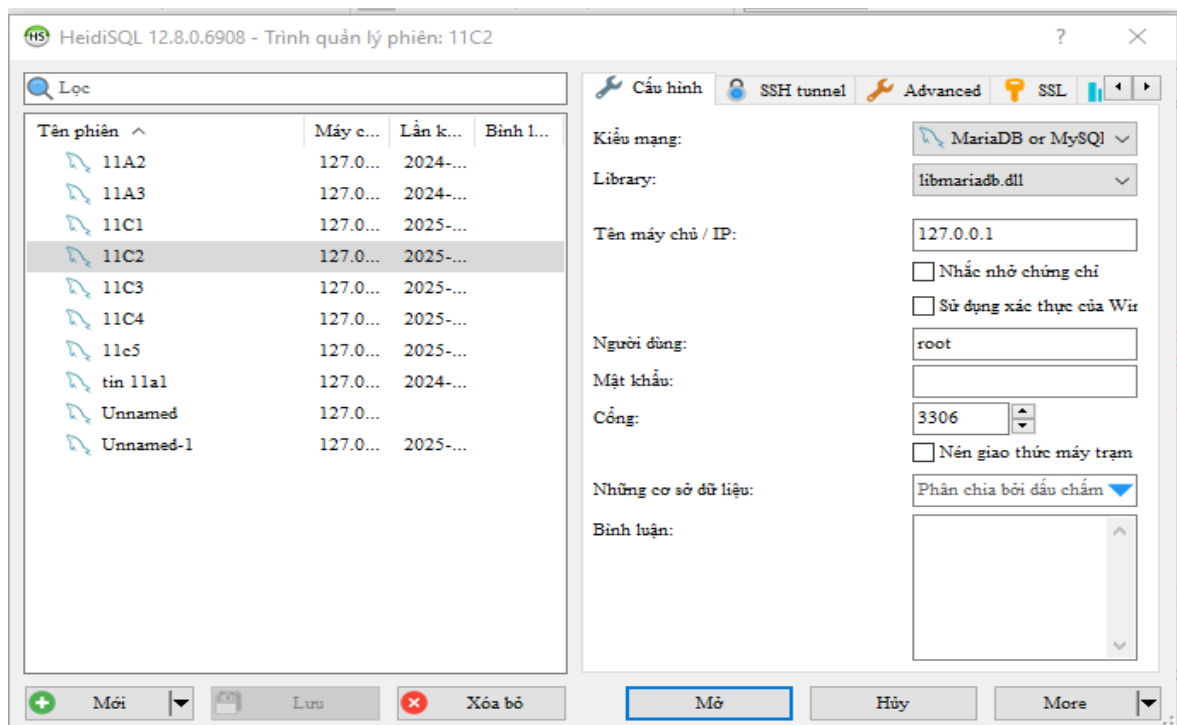
A. tự do

B. thương mại

C. mã nguồn đóng

D. mã nguồn mở

Câu 8: Khi nháy đúp chuột vào biểu tượng phần mềm **HeidiSQL**, một cửa sổ như bên dưới xuất hiện. Để vào cửa sổ làm việc của **HeidiSQL**, cần thực hiện các công việc nào sau đây?



- A. Nhập Người dùng và Mật khẩu sau đó nháy vào nút Mở.
- B. Không cần nhập Người dùng và Mật khẩu, chỉ cần nháy vào nút Mở.
- C. Nhập Người dùng và Mật khẩu sau đó nháy vào nút Mới.
- D. Không cần nhập Người dùng và Mật khẩu, chỉ cần nháy vào nút Mới.

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Lợi ích của hệ QTCSDL trong ngân hàng là

- A. Tài khoản đích trong mỗi giao dịch có thể được kiểm tra xác nhận trước khi giao dịch
- B. Cho phép cài đặt bổ sung các dịch vụ phần mềm hỗ trợ giao dịch trực tuyến trên máy tính, di động
- C. Việc tìm kiếm, xác định một khách hàng trong các giao dịch đã thực hiện nhanh chóng
- D. Lỗi hệ thống, chậm tiến độ công việc

Câu 2: Để tải về một trong hai bản của **HeidiSQL**, ta truy cập vào địa chỉ nào sau đây?

- A. <https://www.heidisql.com/download.php>
- B. <https://www.hiedisql.com/download.php>
- C. <https://www.haidisql.com/download.php>
- D. <https://www.heidisql.com/downloads.php>

Câu 3:

BÀI 18: THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH CẤU BẢNG VÀ CÁC TRƯỜNG KHÓA

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Làm sao để từ các thông tin và yêu cầu bất kì của một tập hợp dữ liệu liên quan người ta lại đi đến được CSDL với các bảng cụ thể?

- A. Nhờ việc xác định cấu trúc bảng và các khóa chính
- B. Nhờ việc xác định khóa ngoài
- C. Nhờ việc tạo liên kết giữa các bảng
- D. Nhờ khóa cấm trùng lặp

Câu 2: Quản lý CSDL âm nhạc giúp tổ chức có thể tối ưu hóa hoạt động trong việc?

- A. Quản lý dữ liệu

- B. Phân tích
- C. Bảo mật
- D. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu

Câu 3: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố em phải xác định mối quan hệ giữa?

- A. Tỉnh thành phố và Quận/Huyện
- B. Tỉnh và Thị trấn
- C. Tỉnh và thị xã
- D. Huyện và thị trấn

Câu 4: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, em có thể xác định khóa chính trong trong bảng Tỉnh thành phố là

- A. Mã của huyện
- B. Mã của thị trấn
- C. Mã của tỉnh thành phố
- D. Mã của thị xã

Câu 5: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, em có thể xác định cấu trúc CSDL của bảng Tỉnh thành phố gồm?

- A. MaTinhThanhPho (khóa chính)
- B. TenTinhThanhPho
- C. IDTinh
- D. Diadiem

Câu 6: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, em có thể xác định cấu trúc CSDL của bảng Quận/Huyện gồm?

- A. MaQuanHuyen (khóa chính)
- B. TenQuanHuyen
- C. MaTinhThanhPho
- D. IDHuyen

Câu 7: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, trong bảng Quận/Huyện thì MaTinhThanhPho sẽ là?

- A. Khóa chính
- B. Khóa ngoại tham chiếu tới bảng Quận/Huyện
- C. Khóa ngoại tham chiếu tới bảng Tỉnh thành phố
- D. Khóa cấm

Câu 8: Để tạo lập bảng thì cần?

- A. Tổng kết tất cả các thông tin cần quản lý
- B. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu
- C. Cùng xem xét lại các bài toán quản lý
- D. Điều chỉnh cấu trúc

Câu 9: Có các loại khóa nào trong CSDL?

- A. Khóa chính
- B. Khóa ngoài
- C. Khóa cấm trùng lặp giá trị
- D. Khóa tham chiếu

II. THÔNG HIỂU

Câu 1: Tổ chức cơ sở dữ liệu (CSDL) âm nhạc với các bảng mang lại lợi ích gì?

- A. Quản lý thông tin về các ca sĩ (casi) và nhạc sĩ (nhacsi)
- B. Quản lý thông tin về các ban nhạc (bannhac) và bản thu âm (banthuan)
- C. Quản lý quan hệ giữa ca sĩ, ban nhạc và nhạc sĩ
- D. Quản lý thông tin các huyện, tỉnh, thành phố.

Câu 2: Để thêm thông tin ngày sinh của các nhạc sĩ, ca sĩ vào CSDL, em cần?

- A. Cần thay đổi cấu trúc CSDL bằng cách thêm một bảng mới để lưu trữ thông tin này
- B. Thêm một trường mới vào bảng "nhacsi" và bảng "casi" để lưu trữ thông tin ngày sinh
- C. Cần xóa bỏ cấu trúc CSDL và thay bằng cấu trúc khác
- D. Thêm thông tin trong hai bảng nhạc sĩ và ca sĩ

Câu 3: Để thực hiện mô hình quản lý danh sách tên quận/huyện của các tỉnh thành phố, em có thể xác định cấu trúc CSDL có bảng nào dưới đây?

- A. Bảng Tỉnh thành phố
- B. Bảng Quận/Huyện
- C. Bảng các Danh sách
- D. Cơ sở dữ liệu Mylist

Câu 4: Để tổ chức lại bảng dữ liệu thì cần?

- A. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu để hạn chế dữ liệu lặp lại
- B. Tổng kết tất cả các thông tin cần quản lý
- C. Cùng xem xét lại các bài toán quản lý
- D. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu

Câu 6: Các kiểu dữ liệu của các trường có thể có là?

- A. Kiểu INT và tự động tăng giá trị
- B. Xâu kí tự
- C. Kiểu Allow null
- D. Kiểu Default

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Việc Quản lý thông tin về các bản nhạc (bannhac) và bản thu âm (banthuan) được thể hiện qua?

- A. CSDL cũng cho phép lưu trữ và quản lý thông tin về các ban nhạc và bản thu âm của các ban nhạc
- B. Các thông tin như idbannhac, tenbannhac, idnhacsi sẽ giúp tổ chức có thể theo dõi và quản lý hoạt động của các ban nhạc, bao gồm cả thông tin về các tác phẩm âm nhạc mà các ban nhạc đã thực hiện
- C. Quản lý thông tin về các ban nhạc (bannhac) và bản thu âm (banthuan)
- D. Quản lý quan hệ giữa ca sĩ, ban nhạc và nhạc sĩ

Câu 2: Nếu muốn quản lý thêm thông tin nơi sinh của nhạc sĩ, ca sĩ (tên tỉnh/thành phố), CSDL cần thay đổi như thế nào?

- A. Cần xóa bỏ cấu trúc CSDL và thay bằng cấu trúc khác
- B. Thêm các trường vào CSDL
- C. Cần thay đổi cấu trúc CSDL bằng cách thêm một bảng mới để lưu trữ thông tin này
- D. Quản lý thông tin về các ban nhạc (bannhac) và bản thu âm (banthuan)

Bài 19: THỰC HÀNH TẬP LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CÁC BẢNG

I. NHẬN BIẾT

Câu 1: Việc đầu tiên để làm việc với một CSDL là?

- A. Thu thập

- B. Xử lý
- C. Tạo lập
- D. Xác nhận thông tin

Câu 2: Việc đầu tiên để tạo lập một CSDL quan hệ là ?

- A. Thu thập dữ liệu
- B. Xử lý dữ liệu
- C. Tạo ra một hay nhiều bảng
- D. Tạo ra một bảng

Câu 3: Để thực hiện tạo bảng thì cần phải?

- A. Xác định cấu trúc bảng, khai báo cấu trúc bảng
- B. Xác định cấu trúc bảng, xác định kiểu dữ liệu của các trường
- C. Xác định cấu trúc bảng, khai báo khóa chính
- D. Xác định cấu trúc bảng, khai báo khóa ngoài

Câu 4: Cần phải xác định và khai báo gì để tạo lập bảng?

- A. Tên bảng
- B. Kiểu dữ liệu
- C. Khai báo kích thước của mỗi trường
- D. Các loại khóa

Câu 5: Mở HeidiSQL và kết nối đến cơ sở dữ liệu của bạn (nếu đã có). Nếu chưa có cơ sở dữ liệu, bạn có thể tạo mới một cơ sở dữ liệu bằng cách nhấp chuột phải vào?

- A. " Create database"
- B. "Create new"
- C. "Root"
- D. "Nhập password"

Câu 6: Để tạo bảng mới trong HeidiSQL, em chọn?

- A. "Create database" – Tạo CSDL
- B. "Root"- Gọi root
- C. "Create new" – Tạo mới->Table
- D. Nháy chuột phải vào CSDL

Câu 7: Sau khi đã tạo các bảng, em có thể thiết lập các quan hệ giữa các bảng bằng cách?

- A. Thiết lập khóa phụ
- B. Thiết lập khóa chính
- C. Thiết lập khóa ngoài
- D. Thiết lập khóa cấm trùng lặp

Câu 8: Bạn có thể sử dụng các câu lệnh SQL hoặc giao diện đồ họa của HeidiSQL để?

- A. Thêm dữ liệu trong các bảng
- B. Sửa đổi dữ liệu trong các bảng
- C. Xóa dữ liệu trong các bảng
- D. Không sử dụng được câu truy vấn SQL trong HeidiSQL

II. THÔNG HIỂU

Câu 1: Khi chọn thêm mới để thêm trường thì một trường mới hiện ra với tên mặc định là?

- A. Cột mới
- B. Trường mới
- C. Column 1
- D. Row 1

Câu 2: Để chỉ định khóa chính thì ta thực hiện?

- A. Chọn trường làm khóa chính->nháy chuột phải-> Create new index -> Primary
- B. Chọn trường làm khóa chính->nháy chuột phải-> Create new index -> Key
- C. Chọn trường làm khóa chính->nháy chuột phải-> Create new index -> Unique

- D. Chọn trường làm khóa chính->nháy chuột phải-> Create new index -> Fulltext
- Câu 3:** Để tạo lập bảng thì cần?
- A. **Tổng kết tất cả các thông tin cần quản lý**
 - B. Phân tích và sắp xếp lại dữ liệu
 - C. Cùng xem xét lại các bài toán quản lý
 - D. Cần xác định Kiểu INT và tự động tăng giá trị
- Câu 4:** Trong phần mềm HeidiSQL chọn kiểu CHAR có độ dài tối đa là
- A. 256 B. 65536 C. 512 D. 128

III. VẬN DỤNG

- Câu 1:** Thao tác để tạo bảng Casi trong phần mềm QTCSDL HeidiSQL, em chọn?
- A. Nháy nút trái chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng (table)
 - B. Nhấn giữ nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng (table)
 - C. Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng (table)
 - D. Nháy giữ nút trái chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng (table)
- Câu 2:** Giả sử trong CSDL Mymusic có trường tenNhacsi, các thao tác khai báo trường tenNhacsi là
- A. Chọn kiểu dữ liệu INT -> Length/Set nhập 10-> bỏ đánh dấu ô Allow NULL-> Chọn AUTO_INCREMENT, dưới nhãn Mặc định-> chọn OK.
 - B. Chọn kiểu dữ liệu VARCHAR -> Length/Set nhập 255 -> Chọn Custom text, dưới nhãn Mặc định-> chọn OK.
 - C. Chọn kiểu dữ liệu INT -> Length/Set nhập 10-> bỏ đánh dấu ô Allow NULL-> Chọn Custom text, dưới nhãn Mặc định-> chọn OK.
 - D. Chọn kiểu dữ liệu INT -> Length/Set nhập 255-> bỏ đánh dấu ô Allow NULL-> Chọn AUTO_INCREMENT, dưới nhãn Mặc định-> chọn OK.
-

Bài 20: THỰC HÀNH TẠO LẬP CÁC BẢNG CÓ KHÓA NGOÀI

I. NHẬN BIẾT

- Câu 1:** Để ấn định khóa chính thì ta thực hiện?
- A. Chọn Create new index -> Primary
 - B. Chọn Create new index -> Key
 - C. Chọn Create new index -> Unique
 - D. **Chọn Create new index -> Fulltext**
- Câu 2:** Để chọn giá trị mặc định là AUTO_INCREMENT thì nháy chuột vào ô?
- A. Allow NULL
 - B. Add column (Thêm mới)
 - C. No default (Mặc định)
 - D. Length/Set
- Câu 3:** Cần khai báo giá trị mặc định phù hợp với?
- A. Giá trị tương ứng của hàng
 - B. Giá trị tương ứng của cột
 - C. Giá trị tương ứng của k
 - D. **Đáp án khác**
- Câu 4:** Tên các trường không được trùng lặp giá trị nên phải khai báo khóa?

- A. Chính
- B. Phụ
- C. Cấm trùng lặp
- D. Ngoài

Câu 5: Để khai báo khóa cấm trùng lặp ta dùng?

- A. Chọn Create new index -> Primary
- B. Chọn Create new index -> Key
- C. Chọn Create new index -> Unique
- D. Chọn Create new index -> Fulltext

Câu 6: Để khai báo khóa ngoài chọn thẻ?

- A. "Create database"
- B. "Create new"
- C. "Root"
- D. Foreign keys

Câu 7: Để chọn bảng tham chiếu ta chọn ô?

- A. "Create database"
- B. "Create new"
- C. Reference table
- D. Foreign keys

Câu 9: Để tạo bảng mới trong HeidiSQL, em chọn?

- A. "Create database"
- B. "Root"
- C. "Create new"
- D. Foreign keys

II. THÔNG HIỂU

Câu 1: Bảng sau có bao nhiêu trường, gồm những trường nào?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT	10	☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	''
3	idNhacsi	INT	10	☐	☐	☐	'0'

- A. Có 3 trường đó là trường 1, trường 2 và trường 3.
- B. Có 3 trường đó là trường 1, trường idBannhac và trường INT.
- C. Có 3 trường đó là trường idBannhac, trường tenBannhac và trường idNhacsi.
- D. Có 3 trường đó là trường Tên, trường Kiểu dữ liệu, trường Length/Set.

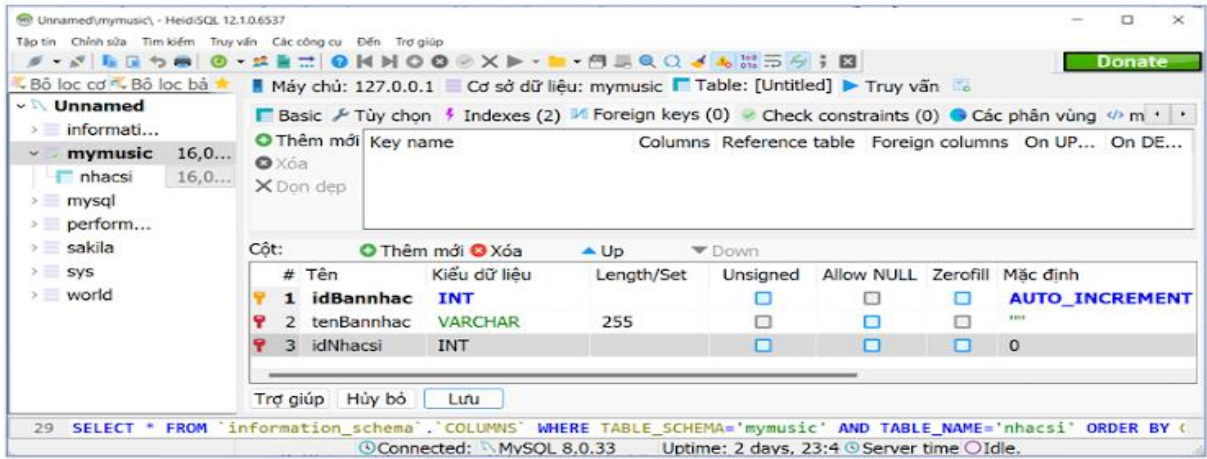
Câu 2: Các trường là khoá ngoài của bảng là các trường tham chiếu đến một trường ... của một bảng khác. Hãy điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. khoá chống trùng lặp
- B. dữ liệu
- C. khoá ngoài
- D. khoá chính

Câu 3: Khi nào thì dùng đến thẻ **Foreign keys**?

- A. Khi các thao tác liên quan đến khoá không trùng lặp.
- B. Khi các thao tác liên quan đến dữ liệu.
- C. Khi các thao tác liên quan đến khoá chính.
- D. Khi các thao tác liên quan đến khoá ngoài.

Câu 4: Trong màn hình tạo khoá ngoài như bên dưới, sau khi nháy chuột vào thẻ **Foreign keys** tiếp theo nháy chuột vào thẻ nào?



- A. Nháy chuột vào thẻ Thêm mới.
- B. Nháy chuột vào thẻ Indexes.
- C. Nháy chuột vào thẻ Tùy chọn.
- D. Nháy chuột vào thẻ Basic.

Câu 6: Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là khoá chính, trường nào là khoá ngoài?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT		☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	
3	idNhacsi	INT		☐	☐	☐	0

- A. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.
- B. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường tenBannhac.
- C. Trường khoá chính là trường idNhacsi, trường khoá ngoài là trường idBannhac.
- D. Trường khoá chính là trường idBannhac, trường khoá ngoài là trường idNhacsi.

Câu 7: Chọn câu trả lời **đúng** nhất. Quan sát hình bên dưới và cho biết trường nào là trường khoá chống trùng lặp?

#	Tên	Kiểu dữ liệu	Length/Set	Unsigned	Allow NULL	Zerofill	Mặc định
1	idBannhac	INT		☐	☐	☐	AUTO_INCREMENT
2	tenBannhac	VARCHAR	255	☐	☐	☐	
3	idNhacsi	INT		☐	☐	☐	0

- A. Không có trường nào là trường khoá chống trùng lặp.
- B. Trường khoá chống trùng lặp là trường idBannhac và trường tenBannhac.
- C. Trường khoá chống trùng lặp là trường tenBannhac và trường idNhacsi.
- D. Trường khoá chống trùng lặp là trường idBannhac và trường idNhacsi.

Câu 8: Khoá ngoài có tác dụng?

- A. Thể hiện dữ liệu chính
- B. Liên kết các dữ liệu trong bảng với nhau
- C. Liên kết dữ liệu giữa các bảng
- D. Cần được khai báo giá trị mặc định phù hợp với giá trị tương ứng của khóa chính

III. VẬN DỤNG

Câu 1: Bảng banthuan có các trường nào dưới đây?

- A. idbanthuan; idbannhac; idcasi

- B. idnhacsi; idbannhac; idcasi
- C. idcasi; tencasi; idbanthuam
- D. idbanthuam; tencasi; idbanthuam

Câu 2: Để Tạo lập bảng Quận/Huyện trong CSDL quản lý tên Quận/Huyện, Tỉnh/Thành phố thì em cần?

- A. Nháy nút trái chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng
- B. Nhấn giữ nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng
- C. Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng
- D. Nháy nút phải chuột ở vùng danh sách các CSDL đã có, chọn thẻ tạo mới, chọn Bảng. Nhập tên: quanhuyen, chọn thêm mới để thêm trường: idquanhuyen, tenquanhuyen, dientich, danso. Khai báo khóa chính và lưu bảng.

CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT !

CHÀO HẸN GẶP LẠI VIDEO ÔN TẬP SAU!
